TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **240**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2022
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Hồng H**, sinh năm 1993

ĐKHK: Thôn AL 3, xã ThH, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Xóm 1, thôn XA, xã TK, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1992

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn AL 3, xã ThH, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Ng và bà Nguyễn Thị V,

Địa chỉ: thôn AL 3, xã ThH, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng H trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Thành N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThH, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống. Năm 2014, anh N sang Đài Loan xuất khẩu lao động để cải thiện tình hình kinh tế gia đình, mặc dù chị đã khuyên anh N không đi nhưng anh N không nghe. Năm 2016, chị sang Đài Loan làm ăn, mục đích để vợ chồng gần gũi nhau, tuy nhiên mỗi người làm một công ty khác nhau. Do khoảng cách địa lý xa xôi dẫn đến vợ chồng không có sự gắn bó, chia sẻ, quan tâm đến nhau, vợ chồng ít liên lạc dần. Giữa năm 2018, chị về nước và có ý định không quay lại Đài Loan nữa. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, có can thiệp hòa giải, hàn gắn cho hai vợ chồng và khuyên chị quay lại Đài Loan làm ăn để vợ chồng gần gũi nhau, nhưng khi chị quay lại Đài Loan làm việc thì anh N lạnh nhạt, không quan tâm gì đến chị. Cuộc sống áp lực, căng thẳng, đến tháng 8/2022 chị về Việt Nam và ở cùng bố mẹ đẻ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, không thể hàn gắn được nữa, xác định không còn tình cảm với anh N, cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống riêng. Do đó, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có hai con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 16/6/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 17/6/2014, hiện nay các cháu đang ở cùng anh N và ông bà nội. Nay vợ chồng ly hôn, để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các cháu, cũng như tôn trọng nguyện vọng của các con, chị đề nghị để anh N được tiếp tục nuôi cả hai con, ông bà nội sẽ hỗ trợ anh N chăm sóc các cháu cho đến khi anh N về nước, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh N là 1.000.000đ/con/tháng, 2 con là 2.000.000đ/tháng. Hiện nay chị chưa đi làm ở đâu mà đang đi học thêm tiếng Trung tại Hải Dương để sau này lại sang nước ngoài làm ăn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình Tòa án làm việc với bà V, anh N đã gọi điện thoại có hình ảnh trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H trước sự chứng kiến của bà V như sau: Anh xác định về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung như chị H trình bày là đúng. Quan điểm của anh là

nhất trí ly hôn với chị H và nhất trí với quan điểm của chị H là để anh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bố mẹ anh sẽ hỗ trợ anh chăm sóc 02 cháu cho đến khi anh về nước. Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh 2.000.000 đồng/02 con/01tháng anh nhất trí. Do anh và chị H đã thống nhất được với nhau về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử. Do chỗ ở của anh tại Đài Loan không ổn định nên anh không cung cấp cho Tòa án được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Các giấy tờ, tài liệu gửi cho anh, đề nghị Tòa án gửi cho mẹ anh để bà thông báo lại cho anh.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà xác định về quan hệ vợ chồng, quan hệ con chung giữa vợ chồng chị H, anh N như chị H trình bày là đúng. Kể từ khi anh N đi Đài Loan thì anh N và chị H không còn liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Quan điểm của anh N nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị H, anh N nhất trí tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và đề nghị vợ chồng bà hỗ trợ anh N chăm sóc các con cho đến khi anh N về nước, vợ chồng bà nhất trí. Các tài liệu tòa án gửi cho anh N bà nhất trí nhận thay anh N và thông báo cho anh N biết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Thành N;

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 16/6/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 17/6/2014 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh N là 1.000.000đ/con/tháng, 2

con là 2.000.000đ/tháng. Bà Nguyễn Thị V hỗ trợ anh N chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh N về nước;

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Hồng H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Thành N. Anh N hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị H và gia đình anh N cung cấp địa chỉ nhưng chị H và gia đình anh N không cung cấp được. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã điện qua mạng xã hội xác định hiện anh đang làm việc tại Đài Loan, tuy nhiên không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị H, anh N, bà V đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị H, anh N, bà V.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng H và anh Nguyễn Thành N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ThH, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Anh N có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 16/6/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 17/6/2014. Hiện nay, các con đang ở cùng anh N và ông bà nội. Khi ly hôn, chị H và anh N đều thống nhất giao cả hai con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, ông bà nội sẽ hỗ trợ chăm sóc các cháu cho đến khi anh N về nước.

Xét đề nghị của chị H và anh N thì thấy: Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh N và ông bà nội, đều có nguyện vọng ở cùng bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung, quan điểm của chị H và anh N là hợp lý. Anh N hiện đang làm ăn ở Đài Loan chưa về nước có đề nghị ông bà nội tiếp tục chăm sóc các con chung cho đến khi anh về nước, bà Nguyễn Thị V nhất trí. Do vậy, cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Trâm A, sinh ngày 16/6/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 17/6/2014 cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp. Bà Nguyễn Thị V hỗ trợ anh N chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh N về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh N là 1.000.000đ/con/tháng, 2 con là 2.000.000đ/tháng.

Chị H được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng*:* Xử cho chị Bùi Thị Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Thành N.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Thành N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 16/6/2012 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 17/6/2014, thời gian từ tháng 12/2022 đến khi các con chung thành niên. Bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm chăm sóc các cháu trong thời gian anh N chưa về nước.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Hồng H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Nguyễn Thành N là 1.000.000đ/con/tháng, 2 con là 2.000.000đ/tháng, thời gian từ tháng 12/2022 cho đến khi các con chung thành niên.

Kể từ ngày anh Nguyễn Thành N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Bùi Thị Hồng H chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị Bùi Thị Hồng H được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình (được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001668 ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương) và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chị H chưa nộp).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Nguyễn Thành N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã ThH, huyện TH, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa